

Số: 71/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 18 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được giao
từ năm 2022 đến năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 23**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm
nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 06/NQ-HĐND
ngày 24 tháng 6 năm 2022 về kế hoạch phân bổ vốn và giải pháp huy động, lồng
ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 tỉnh Nghệ An; số 68/NQ-HĐND ngày
09 tháng 12 năm 2022 quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm
2023; số 11/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc phân bổ kinh phí sự
nghiệp nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia giảm nghèo bền vững năm 2024.*

Xét Tờ trình số 8447/TTr-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được giao từ năm 2022 đến năm 2024 trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh một số dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình tại 5 huyện: Tương Dương, Quỳnh Châu, Nghĩa Đàn, Nghi Lộc, Nam Đàn, số kinh phí điều chỉnh: 4.137.447.000 đồng.

2. Điều chỉnh đơn vị thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, số kinh phí: 4.834.000.000 đồng.

a) Giảm đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, số kinh phí: 4.834.000.000 đồng;

b) Tăng đối với các huyện: Kỳ Sơn: 1.965.852.000 đồng, Tương Dương: 1.670.207.000 đồng, Anh Sơn: 1.197.941.000 đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua. / *lưu*

Nơi nhận: *lưu*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (đề b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT *lưu*

CHỦ TỊCH



Thái Thanh Quý

PHỤ LỤC 01

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐƯỢC GIAO TỪ NĂM 2022 ĐẾN NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Dự án/tiểu dự án	Kinh phí được giao giai đoạn 2022 - 2024	Kế hoạch điều chỉnh kinh phí				Tăng	Kinh phí sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng	Giảm					
				Trong đó					
			Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024				
Tổng cộng		763.055.000.000	8.971.447.000	4.902.308.000	1.105.244.000	2.963.895.000	8.971.447.000	763.055.000.000	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	51.347.000.000	-	-	-	-	-	51.347.000.000	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	209.088.000.000	4.834.000.000	4.834.000.000	-	-	7.997.075.000	212.251.075.000	Điều chỉnh giảm 4.834 triệu đồng năm 2022 của đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; tăng đối với 03 huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương và Anh Sơn.
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	113.738.000.000	-	-	-	-	771.833.000	114.509.833.000	
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	89.300.000.000	-	-	-	-	771.833.000	90.071.833.000	
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	24.438.000.000	-	-	-	-	-	24.438.000.000	
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	151.465.000.000	4.099.437.000	30.298.000	1.105.244.000	2.963.895.000	-	147.365.563.000	
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	104.588.000.000	2.129.854.000	30.298.000	261.464.000	1.838.092.000	-	102.458.146.000	
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	8.749.000.000	1.969.583.000	-	843.780.000	1.125.803.000	-	6.779.417.000	
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	38.128.000.000	-	-	-	-	-	38.128.000.000	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	147.120.000.000	-	-	-	-	-	147.120.000.000	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	40.078.000.000	-	-	-	-	202.539.000	40.280.539.000	
6.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	28.512.000.000	-	-	-	-	-	28.512.000.000	
6.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	11.566.000.000	-	-	-	-	202.539.000	11.768.539.000	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	50.219.000.000	38.010.000	38.010.000	-	-	-	50.180.990.000	
7.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	32.136.000.000	38.010.000	38.010.000	-	-	-	32.097.990.000	
7.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	18.083.000.000	-	-	-	-	-	18.083.000.000	

Handwritten signature

PHỤ LỤC 02

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐƯỢC GIAO TỪ NĂM 2022 ĐẾN NĂM 2024 MỘT SỐ HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

*(Kèm theo Nghị quyết số **71**/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Đơn vị tính: Đồng

TT	Dự án/tiểu dự án điều chỉnh giảm vốn	Số tiền	Dự án/ tiểu dự án điều chỉnh tăng vốn	Số tiền	Ghi chú
1	Huyện Tương Dương	1.266.058.000		1.266.058.000	
	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	30.298.000	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	1.266.058.000	
	Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	1.197.750.000			
	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	38.010.000			
2	Huyện Quỳnh Châu	771.833.000		771.833.000	
	Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	771.833.000	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	771.833.000	
3	Huyện Nghĩa Đàn	897.017.000		897.017.000	
	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	897.017.000	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	897.017.000	
4	Huyện Nghi Lộc	202.539.000		202.539.000	
	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn Nội dung: Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu đào tạo nghề, truyền thông	202.539.000	Tiểu dự án 2 thuộc dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	202.539.000	
5	Huyện Nam Đàn	1.000.000.000		1.000.000.000	
	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.000.000.000	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	1.000.000.000	
	Tổng cộng	4.137.447.000		4.137.447.000	

lasy

PHỤ LỤC 03

ĐIỀU CHỈNH ĐƠN VỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN 2: ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị điều chỉnh giảm năm 2022	Số tiền	TT	Đơn vị điều chỉnh tăng	Số tiền	Ghi chú
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4.834.000.000	1	Huyện Anh Sơn	1.197.941.000	
			2	Huyện Tương Dương	1.670.207.000	
			3	Huyện Kỳ Sơn	1.965.852.000	
Tổng cộng		4.834.000.000			4.834.000.000	

Handwritten signature

PHỤ LỤC 4.1

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐƯỢC GIAO TỪ NĂM 2022 ĐẾN NĂM 2024 - HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Dự án/tiểu dự án	Kinh phí được giao giai đoạn 2022 - 2024	Điều chỉnh kinh phí				Tăng	Bổ sung kinh phí	Kinh phí sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Kinh phí điều chỉnh giảm							
			Tổng	Trong đó						
				Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024				
Tổng cộng		106.812.267.000	1.266.058.000	68.308.000	843.780.000	353.970.000	1.266.058.000	1.670.207.000	108.482.474.000	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	12.443.424.000						12.443.424.000		
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	13.626.315.000				1.266.058.000	1.670.207.000	16.562.580.000		
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	7.215.637.000	-	-	-	-		7.215.637.000		
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	5.838.297.000						5.838.297.000		
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	1.377.340.000						1.377.340.000		
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	4.321.529.000	1.228.048.000	30.298.000	843.780.000	353.970.000	-	3.093.481.000		
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	749.220.000	30.298.000	30.298.000				718.922.000		
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	1.897.750.000	1.197.750.000	-	843.780.000	353.970.000		700.000.000		
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	1.674.559.000						1.674.559.000		
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	64.760.000.000						64.760.000.000		
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	1.822.584.000	-				-	1.822.584.000		
6.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	1.206.844.000						1.206.844.000		
6.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	615.740.000						615.740.000		
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	2.622.778.000	38.010.000	38.010.000	-	-	-	2.584.768.000		
7.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	1.721.268.000	38.010.000	38.010.000				1.683.258.000		
7.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	901.510.000						901.510.000		

Handwritten signature

PHỤ LỤC 4.2

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐƯỢC GIAO TỪ NĂM 2022 ĐẾN NĂM 2024 - HUYỆN QUỠ CHÂU

(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Dự án/tiểu dự án	Kinh phí được giao giai đoạn 2022 - 2024	Điều chỉnh kinh phí				Tăng	Kinh phí sau điều chỉnh	Ghi chú
			Kinh phí điều chỉnh giảm						
			Tổng	Trong đó					
				Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024			
Tổng cộng		66.577.125.000	771.833.000	-	-	771.833.000	66.577.125.000		
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	11.156.169.000					11.156.169.000		
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	12.717.893.000					12.717.893.000		
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	6.654.244.000	-	-	-	771.833.000	7.426.077.000		
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	5.449.076.000				771.833.000	6.220.909.000		
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	1.205.168.000					1.205.168.000		
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	4.159.827.000	771.833.000	-	-	771.833.000	3.387.994.000		
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	857.310.000					857.310.000		
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	1.739.593.000	771.833.000			771.833.000	967.760.000		
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	1.562.924.000					1.562.924.000		
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	27.740.000.000					27.740.000.000		
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	1.701.077.000	-	-	-	-	1.701.077.000		
6.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	1.126.388.000					1.126.388.000		
6.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	574.689.000					574.689.000		
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	2.447.915.000	-	-	-	-	2.447.915.000		
7.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	1.606.513.000					1.606.513.000		
7.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	841.402.000					841.402.000		

2/2024

PHỤ LỤC 4.3

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐƯỢC GIAO TỪ NĂM 2022 ĐẾN NĂM 2024 - HUYỆN NGHĨA ĐÀN

(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Dự án/tiểu dự án	Kinh phí được giao giai đoạn 2022 - 2024	Điều chỉnh kinh phí				Kinh phí sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Kinh phí điều chỉnh giảm			Tăng			
			Tổng	Trong đó					
				Năm 2022	Năm 2023				Năm 2024
Tổng cộng		19.840.830.000	897.017.000	-	-	897.017.000	897.017.000	19.840.830.000	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	-						-	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	8.144.459.000				897.017.000		9.041.476.000	
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	4.378.893.000	-	-	-	-	-	4.378.893.000	
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	3.489.556.000						3.489.556.000	
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	889.337.000						889.337.000	
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	4.283.897.000	897.017.000	-	-	897.017.000	-	3.386.880.000	
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	2.909.902.000	897.017.000			897.017.000		2.012.885.000	
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	-						-	
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	1.373.995.000						1.373.995.000	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	-						-	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	1.243.760.000	-	-	-	-	-	1.243.760.000	
6.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	823.567.000						823.567.000	
6.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	420.193.000						420.193.000	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.789.821.000	-	-	-	-	-	1.789.821.000	
7.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	1.174.621.000						1.174.621.000	
7.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	615.200.000						615.200.000	

Handwritten signature

PHỤ LỤC 4.4

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐƯỢC GIAO TỪ NĂM 2022 ĐẾN NĂM 2024 - HUYỆN NGHI LỘC

(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Dự án/tiểu dự án	Kinh phí được giao giai đoạn 2022 - 2024	Điều chỉnh kinh phí				Tăng	Kinh phí sau điều chỉnh	Ghi chú
			Kinh phí điều chỉnh giảm						
			Tổng	Trong đó					
				Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024			
Tổng cộng		21.097.287.000	202.539.000	-	102.539.000	100.000.000	202.539.000	21.097.287.000	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	-					-		
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	8.144.459.000					8.144.459.000		
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	4.378.893.000	-				-	4.378.893.000	
3.1	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</i>	<i>3.489.556.000</i>					<i>3.489.556.000</i>		
3.2	<i>Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng</i>	<i>889.337.000</i>					<i>889.337.000</i>		
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	5.540.354.000	202.539.000	-	102.539.000	100.000.000	-	5.337.815.000	
4.1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	<i>3.908.740.000</i>	<i>202.539.000</i>		<i>102.539.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>3.706.201.000</i>		
4.2	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</i>	-					-		
4.3	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	<i>1.631.614.000</i>					<i>1.631.614.000</i>		
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	-					-		
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	1.243.760.000	-	-	-	-	202.539.000	1.446.299.000	
6.1	<i>Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin</i>	<i>823.567.000</i>					<i>823.567.000</i>		
6.2	<i>Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</i>	<i>420.193.000</i>					<i>202.539.000</i>	<i>622.732.000</i>	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.789.821.000	-	-	-	-	-	1.789.821.000	
7.1	<i>Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</i>	<i>1.174.621.000</i>					<i>1.174.621.000</i>		
7.2	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	<i>615.200.000</i>					<i>615.200.000</i>		

2/2024

PHỤ LỤC 4.5

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐƯỢC GIAO TỪ NĂM 2022 ĐẾN NĂM 2024 - HUYỆN NAM ĐÀN

(Kèm theo Nghị quyết số 71 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Dự án/tiêu dự án	Kinh phí được giao giai đoạn 2022 - 2024	Điều chỉnh kinh phí				Tăng	Kinh phí sau điều chỉnh	Ghi chú
			Kinh phí điều chỉnh giảm						
			Tổng	Trong đó					
				Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024			
Tổng cộng		16.763.367.000	1.000.000.000	-	158.925.000	841.075.000	1.000.000.000	16.763.367.000	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	-						-	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	6.124.003.000					1.000.000.000	7.124.003.000	
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	3.541.718.000	-				-	3.541.718.000	
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	2.623.876.000						2.623.876.000	
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	917.842.000						917.842.000	
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	4.816.622.000	1.000.000.000	-	158.925.000	841.075.000	-	3.816.622.000	
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	3.429.745.000	1.000.000.000		158.925.000	841.075.000		2.429.745.000	
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	-						-	
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	1.386.877.000						1.386.877.000	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	-						-	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	935.216.000	-	-	-	-	-	935.216.000	
6.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	619.263.000						619.263.000	
6.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	315.953.000						315.953.000	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.345.808.000	-	-	-	-	-	1.345.808.000	
7.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	883.215.000						883.215.000	
7.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	462.593.000						462.593.000	

Handwritten signature

PHỤ LỤC 4.6

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐƯỢC GIAO TỪ NĂM 2022 ĐẾN NĂM 2024 - HUYỆN KỶ SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 71 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Dự án/tiểu dự án	Kinh phí được giao giai đoạn 2022 - 2024	Bổ sung tăng	Kinh phí sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
Tổng cộng		73.067.060.000	1.965.852.000	75.032.912.000	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	14.016.737.000		14.016.737.000	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	16.038.317.000	1.965.852.000	18.004.169.000	
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	8.196.631.000		8.196.631.000	
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	6.871.738.000		6.871.738.000	
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	1.324.893.000		1.324.893.000	
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	5.233.590.000		5.233.590.000	
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	917.080.000		917.080.000	
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	2.530.317.000		2.530.317.000	
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	1.786.193.000		1.786.193.000	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	24.280.000.000		24.280.000.000	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	2.173.717.000		2.173.717.000	
6.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	1.439.348.000		1.439.348.000	
6.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	734.369.000		734.369.000	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	3.128.068.000		3.128.068.000	
7.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	2.052.877.000		2.052.877.000	
7.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	1.075.191.000		1.075.191.000	

Handwritten signature

PHỤ LỤC 4.7

BỔ SUNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐƯỢC GIAO TỪ NĂM 2022 ĐẾN NĂM 2024 - HUYỆN ANH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Dự án/tiểu dự án	Kinh phí được giao giai đoạn 2022 - 2024	Bổ sung tăng	Kinh phí sau bổ sung	Ghi chú
Tổng cộng		23.749.200.000	1.197.941.000	24.947.141.000	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	-		-	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	9.773.350.000	1.197.941.000	10.971.291.000	
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	5.373.250.000	-	5.373.250.000	
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	4.187.460.000		4.187.460.000	
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	1.185.790.000		1.185.790.000	
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	4.962.290.000	-	4.962.290.000	
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	3.313.490.000		3.313.490.000	
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	-		-	
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	1.648.800.000		1.648.800.000	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	-		-	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	1.492.520.000	-	1.492.520.000	
6.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	988.290.000		988.290.000	
6.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	504.230.000		504.230.000	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	2.147.790.000	-	2.147.790.000	
7.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	1.409.540.000		1.409.540.000	
7.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	738.250.000		738.250.000	

Handwritten signature